

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty Thành viên của Reanda International  
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.  
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.  
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90  
Email: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com) | Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



*Mang tri thức phục vụ khách hàng*

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA VĨNH KHÁNH**



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt  
(**VIETVALUES**)  
Công ty Thành viên của Reanda International



## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016	11 - 36

---



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được soát xét của Công ty.

### 1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (tên giao dịch là: VINH KHANH CABLE - PLASTIC CORPORATION; tên viết tắt là: VCOM) được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Vĩnh Khánh (Công ty TNHH Vĩnh Khánh được thành lập theo Giấy phép thành lập số 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05 tháng 12 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé cấp). Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02 tháng 06 năm 2003, trong quá trình hoạt động đã đăng ký thay đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 3700510650, và đăng ký thay đổi lần thứ 15 vào ngày 24 tháng 05 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Cổ phiếu của công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : VKC  
Vốn điều lệ : 130.000.000.000 đồng.

### 2. Trụ sở hoạt động

#### ▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.  
Điện thoại : +84 (650) 3751 501  
Fax : +84 (650) 3751 699  
Mã số thuế : 3 7 0 0 5 1 0 6 5 0

#### ▪ Chi nhánh, văn phòng đại diện

Tên chi nhánh, văn phòng đại diện	Địa chỉ
- Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
- Chi nhánh quận 8	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM
- Chi nhánh Tp. HCM	42/23 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.
- Văn phòng đại diện	Số 111D Lý Chính Thắng, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.



### 3. Ngành nghề hoạt động

- Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, ống nhựa các loại;
- Sản xuất thiết bị truyền thông, chi tiết: Sản xuất điện thoại, thiết bị điện thoại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất các loại dây bện và lưới;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Bán buôn ống nhựa và phụ kiện các loại, ống gang và phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện, máy móc, thiết bị y tế);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Bán buôn bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp).
- Sản xuất đồ điện gia dụng (chi tiết: Sản xuất quạt điện, mô tơ các loại);
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (chi tiết: Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp mô tô, xe máy, lắp đặt hoặc thay thế).

### 4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

#### 4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lâm Quy Chương	Chủ tịch	28/04/2014
Ông Hoàng Văn Quyền	Thành viên	28/04/2014
Ông Phạm Linh	Thành viên	28/04/2014
Ông Nguyễn Thoại Hồng	Thành viên	28/04/2014
Ông Yuhsing Lin	Thành viên	18/04/2015



#### 4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lê Minh Chi	Trưởng ban	28/04/2014
Ông Hà Anh Tuấn	Thành viên	28/04/2014
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên	28/04/2014

#### 4.3 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lâm Quy Chương	Tổng Giám đốc	05/05/2014
Ông Nguyễn Thoại Hồng	Phó Tổng Giám đốc	08/05/2014
Ông Võ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	11/05/2015
Ông Lương Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	10/06/2015
Ông Dương Minh Hòa	Phó Tổng Giám đốc Tài chính – KTT	28/12/2015

#### 5 Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lâm Quy Chương – Tổng Giám đốc.

#### 6 Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 36.

#### 7 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### 8 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty

#### 9 Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;



- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính, các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

## 10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2016.



*Lâm Duy Chương*  
**CHỦ TỊCH HĐQT**





Số: 2449/16/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA VĨNH KHÁNH**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập tại ngày 15 tháng 08 năm 2016, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



**Ths Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN số: 1512-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

#### Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>508.393.395.849</b>	<b>453.022.002.718</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>109.360.931.509</b>	<b>106.658.600.272</b>
111	1. Tiền		75.939.941.035	63.835.522.196
112	2. Các khoản tương đương tiền		33.420.990.474	42.823.078.076
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>183.953.992.680</b>	<b>156.557.744.914</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	144.844.382.525	134.731.865.138
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	22.689.042.486	17.799.067.318
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	15.500.000.000	5.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5.1	6.080.895.942	3.687.140.731
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	(5.160.328.273)	(5.160.328.273)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.7	<b>210.167.153.739</b>	<b>186.553.899.408</b>
141	1. Hàng tồn kho		214.927.027.919	189.697.642.343
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(4.759.874.180)	(3.143.742.935)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.911.317.921</b>	<b>3.251.758.124</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	35.330.966
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.900.948.597	2.826.168.732
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		10.369.324	390.258.426
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>130.614.308.933</b>	<b>122.390.879.949</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>381.928.829</b>	<b>381.928.829</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5.2	381.928.829	381.928.829
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>108.880.827.772</b>	<b>107.549.103.397</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	102.641.410.192	100.988.927.275
222	- Nguyên giá		267.700.253.272	258.243.693.617
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(165.058.843.080)	(157.254.766.342)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	2.970.557.560	3.129.694.570
225	- Nguyên giá		3.182.740.240	3.182.740.240
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(212.182.680)	(53.045.670)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	3.268.860.020	3.430.481.552
228	- Nguyên giá		7.097.402.879	7.097.402.879
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.828.542.859)	(3.666.921.327)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>15.568.063.869</b>	<b>8.017.739.858</b>
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	15.568.063.869	8.017.739.858
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.783.488.463</b>	<b>6.442.107.865</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8	5.231.562.235	4.909.689.091
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	V.13	551.926.228	1.532.418.774
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>		<b>639.007.704.782</b>	<b>575.412.882.667</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>469.065.647.310</b>	<b>405.308.400.399</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>463.179.745.063</b>	<b>403.640.998.152</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	152.511.549.684	163.471.781.081
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	4.237.073.932	1.632.550.672
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	6.564.996.368	4.616.540.089
314	4. Phải trả người lao động	V.17	1.974.350.893	2.884.991.187
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	2.792.634.233	581.017.982
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.19	20.311.071.272	770.305.156
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20.1	270.410.660.734	227.620.576.650
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	4.377.407.947	2.063.235.335
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>5.885.902.247</b>	<b>1.667.402.247</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20.2	5.885.902.247	1.667.402.247
400	<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>169.942.057.472</b>	<b>170.104.482.268</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.22	<b>169.942.057.472</b>	<b>170.104.482.268</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		130.000.000.000	130.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		130.000.000.000	130.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		13.924.626.068	13.924.626.068
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.017.431.404	26.179.856.200
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.148.979.480	3.525.472.602
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		23.868.451.924	22.654.383.598
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>		<b>639.007.704.782</b>	<b>575.412.882.667</b>

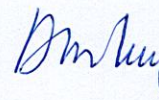
Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

  
Nguyễn Thị Tuyết Mai

  
Dương Minh Hòa



  
Lâm Duy Chương



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		576.526.261.323	476.146.520.106
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	576.526.261.323	476.146.520.106
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	517.069.060.402	441.530.802.948
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		59.457.200.921	34.615.717.158
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	979.662.075	1.039.726.340
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	9.895.272.835	8.563.208.331
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		9.358.527.583	7.741.263.814
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	10.735.829.997	8.715.654.635
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	8.798.817.596	7.225.142.173
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		31.006.942.568	11.151.438.359
31	11. Thu nhập khác	VI.7	333.893.588	-
32	12. Chi phí khác	VI.8	75.751.680	455.275.085
40	13. Lợi nhuận khác		258.141.908	(455.275.085)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		31.265.084.476	10.696.163.274
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	6.416.140.006	2.590.862.878
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		980.492.546	(21.498.639)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		23.868.451.924	8.126.799.035
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	VI.9	1.469	500

Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

*Nguyễn Thị Tuyết Mai*

*Dương Minh Hòa*



*Lâm Quý Chương*

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		31.265.084.476	10.696.163.274
	<b>2. Điều chỉnh các khoản</b>		19.073.433.382	14.785.472.487
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		8.298.813.046	7.412.394.891
03	- Các khoản dự phòng		1.616.131.245	(189.707.318)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		416.872.828	30.124.837
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(616.911.320)	(208.603.737)
06	- Chi phí lãi vay		9.358.527.583	7.741.263.814
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		50.338.517.858	25.481.635.761
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(28.079.127.754)	22.680.771.356
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(25.229.385.576)	(19.397.463.583)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(8.383.270.905)	795.553.060
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(286.542.178)	388.034.469
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(9.276.911.332)	(7.741.263.814)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.560.265.221)	(2.354.410.964)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.216.704.108)	(1.451.414.816)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(27.693.689.216)</b>	<b>18.401.441.469</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(17.613.151.666)	(13.243.602.513)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		331.375.267	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(20.000.000.000)	(2.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		20.000.000.000	7.700.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		717.826.287	208.603.737
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(16.563.950.112)</b>	<b>(7.334.998.776)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		392.755.345.884	377.846.141.002
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(345.311.787.300)	(376.725.043.850)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		(434.974.500)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		0	(1.387.801.954)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>47.008.584.084</b>	<b>(266.704.802)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>		<b>2.750.944.756</b>	<b>10.799.737.891</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>106.658.600.272</b>	<b>71.962.946.261</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(48.613.519)	28.745.185
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	V.1	<b>109.360.931.509</b>	<b>82.791.429.337</b>

Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*Nguyễn Thị Tuyết Mai*  
 Nguyễn Thị Tuyết Mai

*Dương Minh Hòa*  
 Dương Minh Hòa

Tổng Giám Đốc  
  
*Lâm Quy Chương*  
 Lâm Quy Chương

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất sảm lốp xe, các sản phẩm bằng cao su. Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa các loại, nhựa PVC, PE;
- Sản xuất dây dẫn điện, cáp viễn thông, điện thoại, thiết bị điện thoại, quạt điện, mô - tơ các loại;
- Mua bán lốp xe, phụ tùng xe;
- Mua bán thủy hải sản, quạt điện, bình điện, điện gia dụng, hàng trang trí nội thất, mô - tơ các loại, máy móc thiết bị dùng cho ngành điện, sắt thép, khung nhôm, hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Mua bán dây dẫn điện, cáp viễn thông, linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển, điện thoại, thiết bị điện thoại, máy móc thiết bị dùng cho ngành viễn thông, các sản phẩm bằng cao su, nhựa các loại, nhựa PVC, PE, lò hơi thiết bị y tế, các loại giấy dùng trong tôn giáo, các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện, ống gang, phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

**6. Cấu trúc Công ty**

*Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
1. Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị Xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
2. Chi nhánh Tp.HCM	42/23 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, Tp.HCM.
3. Chi nhánh quận 8 – Tp. HCM	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM
4. Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.
4. Văn phòng đại diện	Số 111D Lý Chính Thắng, quận 3, Tp.HCM.



## **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 265 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 263 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 06 năm 2016.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và tương đương tiền**

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **3. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính*



Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **5. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

##### ***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 50 năm.

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính*



## 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06

## 7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao ước tính của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10

## 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:



### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính là 25 năm

### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

## **9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **11. Cơ sở tính và trích lương**

Bộ phận văn phòng: công ty trả lương theo thời gian.

Bộ phận nhân công các xí nghiệp sản xuất: công ty trả lương theo thời gian.

## **12. Vốn chủ sở hữu**

### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## **13. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như



lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
  - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phân công việc đã hoàn thành;
  - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
  - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

#### **16. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối năm.

#### **17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### **18. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính*



vay được vốn hóa kê cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## **19. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tỷ giá 22.270 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tỷ giá 22.340 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tỷ giá 22.340 VNĐ/USD.

## **20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

### **- Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính*



**- Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	364.701.154	440.012.930
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.575.239.881	63.395.509.266
Các khoản tương đương tiền	33.420.990.474	42.823.078.076
<b>Cộng</b>	<u><b>109.360.931.509</b></u>	<u><b>106.658.600.272</b></u>



**1.1 Các khoản tương đương tiền**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	11.113.653.512	10.860.213.238
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (*)	19.407.284.286	14.058.039.294
- Ngân hàng TMCP Á Châu	400.052.676	390.874.155
- Malayan Banking Berhad – CN Tp.HCM	2.500.000.000	2.513.951.389
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	15.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>33.420.990.474</u></b>	<b><u>42.823.078.076</u></b>

(\*) Giá trị của các hợp đồng tiền gửi được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn được trình bày ở thuyết minh số V.20.

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Là khoản phải thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>144.844.382.525</b>	<b>134.731.865.138</b>
- Trung Tâm Cung Ứng Vật Tư - Viễn Thông Tp.HCM	29.229.168.234	12.302.388.219
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	25.697.509.640	31.484.172.500
- Công ty TNHH TM DV Võ Quang Đức	7.818.460.235	275.537.653
- Công ty TNHH Vĩnh Khanh	5.509.419.864	5.964.658.008
- Viễn Thông Tây Ninh	3.465.000.000	2.178.000.000
- Các đối tượng khác	73.124.824.552	82.527.108.758
<b>Cộng (*)</b>	<b><u>144.844.382.525</u></b>	<b><u>134.731.865.138</u></b>

(\*) Các khoản nợ phải thu luân chuyển cuối năm được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn được trình bày ở thuyết minh số V.20.

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</b>	<b>22.689.042.486</b>	<b>17.799.067.318</b>
- Công ty TNHH Wenwu	8.404.084.626	11.310.053.769
- Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên	3.896.299.042	469.700.000
- Công ty TNHH Đồ gỗ Mộc Dương Gia	3.863.756.800	-
- Công ty TNHH Cúp Vàng	1.276.558.927	-
- Các đối tượng khác	5.248.343.091	6.019.313.549
<b>Cộng</b>	<b><u>22.689.042.486</u></b>	<b><u>17.799.067.318</u></b>

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan</b>	<b>10.500.000.000</b>	<b>5.500.000.000</b>
- Lâm Quy Chương (1)	10.500.000.000	5.500.000.000
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên khác</b>	<b>5.000.000.000</b>	-
- Công ty TNHH TM DV Võ Quang Đức (2)	5.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>15.500.000.000</u></b>	<b><u>5.500.000.000</u></b>



- (1) Là khoản cho vay theo HĐ tín dụng số 01/VK-LQC/16 ngày 01/04/2016, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 2%/năm.
- (2) Là khoản cho vay theo HĐ tín dụng số 01/VK-QD/16 ngày 25/06/2016, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 2%/năm.

**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**

**5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>2.469.260.488</b>	-	<b>638.382.160</b>	-
- Tạm ứng của các bên liên quan	2.469.260.488	-	638.382.160	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>3.611.635.454</b>	-	<b>3.048.758.571</b>	-
- Tạm ứng của các bên khác	1.460.548.121	-	638.222.992	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.660.880.402	-	1.761.206.217	-
- Các đối tượng khác	490.206.931	-	649.329.362	-
<b>Cộng</b>	<b>6.080.895.942</b>	-	<b>3.687.140.731</b>	-

**5.2 Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>381.928.829</b>	-	<b>381.928.829</b>	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	381.928.829	-	381.928.829	-
<b>Cộng</b>	<b>381.928.829</b>	-	<b>381.928.829</b>	-

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
Số đầu năm	(5.160.328.273)	(4.524.917.564)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(28.104.793)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(5.160.328.273)</b>	<b>(4.553.022.357)</b>



**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	60.821.600.432	-	59.386.088.137	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	253.309.091	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.177.503.902	-	612.101.427	-
Thành phẩm	48.972.839.012	(4.759.874.180)	42.763.099.004	(3.143.742.935)
Hàng hóa	100.955.084.573	-	86.683.044.684	-
<b>Cộng (*)</b>	<b>214.927.027.919</b>	<b>(4.759.874.180)</b>	<b>189.697.642.343</b>	<b>(3.143.742.935)</b>

(\*) Giá trị hàng tồn kho luân chuyển cuối năm bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm và hàng hóa được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay được thuyết minh chi tiết tại thuyết minh số V.20.

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**

*Chi phí trả trước dài hạn*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê đất	1.692.299.318	1.692.299.318
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	3.539.262.917	3.217.389.773
<b>Cộng (*)</b>	<b>5.231.562.235</b>	<b>4.909.689.091</b>

(\*) Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn :

	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
Số dư đầu năm	4.909.689.091	1.780.275.877
Phát sinh trong kỳ	2.001.578.892	3.826.951.867
Phân bổ trong kỳ	(1.679.705.748)	(697.538.653)
<b>Cộng</b>	<b>5.231.562.235</b>	<b>4.909.689.091</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ Hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	28.822.158.640	214.406.224.266	13.472.234.829	960.690.728	582.385.154	258.243.693.617
Tăng trong kỳ	-	9.396.009.473	666.818.182	-	-	10.062.827.655
- Mua trong kỳ	-	9.396.009.473	666.818.182	-	-	10.062.827.655
Giảm trong kỳ	-	606.268.000	-	-	-	606.268.000
- Giảm do thanh lý TSCĐ	-	606.268.000	-	-	-	606.268.000
<b>Số cuối kỳ (*)</b>	<b>28.822.158.640</b>	<b>223.195.965.739</b>	<b>14.139.053.011</b>	<b>960.690.728</b>	<b>582.385.154</b>	<b>267.700.253.272</b>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	3.281.403.448	78.738.334.148	4.742.838.264	540.051.836	-	87.302.627.696
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	9.250.686.136	139.445.476.276	7.723.645.244	729.805.810	105.152.879	157.254.766.342
Khấu hao trong kỳ	623.754.588	6.729.359.626	556.715.202	19.692.990	48.532.098	7.978.054.504
Giảm trong kỳ	-	173.977.766	-	-	-	173.977.766
- Giảm do thanh lý TSCĐ	-	173.977.766	-	-	-	173.977.766
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>9.874.440.724</b>	<b>146.000.858.133</b>	<b>8.280.360.446</b>	<b>749.498.800</b>	<b>153.684.977</b>	<b>165.058.843.080</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	19.571.472.504	74.960.747.990	5.748.589.585	230.884.918	477.232.275	100.988.927.275
Số cuối kỳ	18.947.717.916	77.195.107.606	5.858.692.565	211.191.928	428.700.177	102.641.410.192

(\*) Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại cuối năm theo sổ sách là 12.451.061.231 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.20).

**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị (*)	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	3.182.740.240	3.182.740.240
Mua trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.182.740.240</b>	<b>3.182.740.240</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu năm	53.045.670	53.045.670
Khấu hao trong kỳ	159.137.010	159.137.010
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>212.182.680</b>	<b>212.182.680</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	3.129.694.570	3.129.694.570
Số cuối kỳ	2.970.557.560	2.970.557.560

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



(\*) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số C150807102 ngày 06/11/2015 giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease với Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh.

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Bản quyền, phần mềm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	6.628.429.473	468.973.406	7.097.402.879
Mua trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.628.429.473</b>	<b>468.973.406</b>	<b>7.097.402.879</b>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	280.835.906	280.835.906
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	3.326.499.482	340.421.845	3.666.921.327
Khấu hao trong kỳ	149.862.942	11.758.590	161.621.532
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.476.362.424</b>	<b>352.180.435</b>	<b>3.828.542.859</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	3.301.929.991	128.551.561	3.430.481.552
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.152.067.049</b>	<b>116.792.971</b>	<b>3.268.860.020</b>

(\*) Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại cuối năm theo sổ sách là 3.268.860.020 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.20).

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	8.017.739.858	-	-	15.568.063.869
Xây nhà xưởng quốc lộ 1K	8.017.739.858	-	-	8.017.739.858
Các công trình XD CB dở dang khác	-	7.550.324.011	-	7.550.324.011
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.017.739.858</b>	<b>7.550.324.011</b>	<b>-</b>	<b>15.568.063.869</b>

**13. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Khấu hao QSDĐ từ năm 2004 đến năm 2007	392.000.000	392.000.000
- Khấu hao máy móc thiết bị năm 2009	159.926.228	1.140.418.774
- Chi phí lãi vay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>551.926.228</b>	<b>1.532.418.774</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả cho các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải trả cho các nhà cung cấp khác</b>	<b>152.511.549.684</b>	<b>152.511.549.684</b>	<b>163.471.781.081</b>	<b>163.471.781.081</b>
- Công ty TNHH CN Cao Su Chính Tân VN	102.757.924.280	102.757.924.280	112.653.316.900	112.653.316.900
- Công ty TNHH Quốc tế Maxxis	26.886.973.232	26.886.973.232	19.259.472.226	19.259.472.226
- Công ty CP Vật liệu điện và viễn thông Sam Cường	5.595.925.503	5.595.925.503	3	3
- Công ty TNHH Nhựa TEP	2.436.685.520	2.436.685.520	13.130.329.530	13.130.329.530
- Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất Phú Mỹ	1.897.500.000	1.897.500.000	2.696.100.000	2.696.100.000
- Các nhà cung cấp khác	12.936.541.149	12.936.541.149	15.732.562.422	15.732.562.422
<b>Cộng</b>	<b>152.511.549.684</b>	<b>152.511.549.684</b>	<b>163.471.781.081</b>	<b>163.471.781.081</b>

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả cho các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả cho các nhà cung cấp khác</b>		<b>1.632.550.672</b>
- Công ty TNHH SMS Global Technologies	3.061.868.571	278.998.995
- Công ty TNHH Tatung (Thái Lan)	564.491.588	-
- Các nhà cung cấp khác	610.713.773	1.353.551.677
<b>Cộng</b>	<b>4.237.073.932</b>	<b>1.632.550.672</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	-	-	9.857.276.803	(9.857.276.803)	-	-
- Thuế nhập khẩu	-	390.258.426	3.252.694.496	(2.781.703.149)	91.102.245	10.369.324
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.584.810.425	-	6.416.140.006	(4.560.265.221)	6.440.685.210	-
- Thuế thu nhập cá nhân	31.729.664	-	110.070.595	(108.591.346)	33.208.913	-
- Thuế khác	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.616.540.089</b>	<b>390.258.426</b>	<b>19.636.181.900</b>	<b>(17.307.836.519)</b>	<b>6.564.996.368</b>	<b>10.369.324</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>6 tháng đầu năm 2016</b>	<b>6 tháng đầu năm 2015</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.265.084.476	10.696.163.274
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	815.615.556	1.549.123.277
+ Chi phí không được trừ	815.615.556	982.765.085
+ Chi phí trích trước lãi vay	-	566.358.192
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(468.637.104)
+ Hoàn nhập chi phí trích trước	-	(468.637.104)
Thu nhập chịu thuế	32.080.700.032	11.776.649.447
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	6.416.140.006	2.590.862.878
Thuế TNDN hoàn nhập năm trước (Thuế suất 22%)	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>6.416.140.006</b>	<b>2.590.862.878</b>

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

**17. Phải trả người lao động**

Là lương tháng 6 còn phải chi.

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Chủ yếu là chi phí lãi vay phải trả.

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

Chủ yếu là khoản cổ tức phải trả cho cổ đông.



**20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**

**20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	269.975.686.234	269.975.686.234	226.750.627.650	226.750.627.650
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – CN Tp.HCM <sup>(1)</sup>	17.461.887.410	17.461.887.410	24.612.619.900	24.612.619.900
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Sài Gòn <sup>(2)</sup>	36.091.619.340	36.091.619.340	29.920.757.600	29.920.757.600
- Ngân hàng Liên doanh Shinhan Vina – Chi nhánh Bình Dương <sup>(3)</sup>	23.869.552.850	23.869.552.850	14.138.016.200	14.138.016.200
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN KCN Bình Dương <sup>(4)</sup>	38.953.723.764	38.953.723.764	28.117.517.582	28.117.517.582
- Ngân hàng Natixis – Chi nhánh TP HCM <sup>(5)</sup>	52.144.617.195	52.144.617.195	55.864.495.500	55.864.495.500
- Malayan Banking Berhad – CN Tp.HCM <sup>(6)</sup>	49.835.523.100	49.835.523.100	44.124.658.468	44.124.658.468
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đồng Nai <sup>(7)</sup>	29.454.056.935	29.454.056.935	29.972.562.400	29.972.562.400
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình <sup>(8)</sup>	900.420.400	900.420.400	-	-
- Ngân hàng TNHH United Overseas – CN Tp.HCM <sup>(9)</sup>	21.264.285.240	21.264.285.240	-	-
<b>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</b>	<b>434.974.500</b>	<b>434.974.500</b>	<b>869.949.000</b>	<b>869.949.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>270.410.660.734</b>	<b>270.410.660.734</b>	<b>227.620.576.650</b>	<b>227.620.576.650</b>

▪ **Chi tiết vay ngắn hạn**

**1. Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Hợp đồng tín dụng số VNM 160366 ngày 09/05/2016 và các Thư gia hạn thời gian của hợp đồng này.

- + Hạn mức : 50.000.000.000 VND;
- + Lãi suất : Lãi suất cho vay theo từng lần giải ngân;
- + Mục đích vay : Bổ sung nhu cầu vốn lưu động;
- + Hình thức đảm bảo : Các khoản phải thu số VNM CDT 080221/MR, hàng hóa trong kho số VNM CDT 080221/MS và quyền sử dụng đất số VNM 101460/L;



**2. Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn**

Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 96.HDTD.VIB625.16 ngày 20 tháng 06 năm 2016.

- + Hạn mức : 60.000.000.000 VND;
- + Lãi suất : Lãi suất tại thời điểm giải ngân;
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động;
- + Hình thức đảm bảo : - Hợp đồng tiền gửi của công ty CP Cấp Nhựa Vĩnh Khánh do VIB phát hành (Xem T.Minh V.1.1) ;  
- Hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm, hàng hóa luân chuyển tại ngày cuối năm (Xem T.Minh V.7).

**3. Ngân hàng Liên doanh Shinhan Vina Chi nhánh Bình Dương**

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 240-27-0804 ngày 01 tháng 09 năm 2011 và phụ lục hợp đồng ANCR/240-27-0804/084 ngày 09 tháng 10 năm 2015.

- + Hạn mức : 29.000.000.000 VND;
- + Lãi suất : tại thời điểm nhận tiền vay;
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động;
- + Hình thức đảm bảo : Quyền sử dụng đất số BA 179285 của Công ty, tại xã Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (Xem T.Minh V.10) ;

**4. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương**

Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 020BA16 ngày 25 tháng 01 năm 2016.

- + Hạn mức : 60.000.000.000 VND
- + Lãi suất : Theo thông báo tại thời điểm rút vốn;
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động;
- + Hình thức đảm bảo : - Quyền sử dụng đất số T751759 tọa lạc tại phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh (Xem T.Minh V.10);  
- Máy móc thiết bị (Xem T.Minh V.9);  
- Hợp đồng tiền gửi số 028CTA13 ngày 20 tháng 08 năm 2013 của Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh do Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam phát hành (Xem T.Minh V.1.1)  
- Quyền sử dụng đất số : CB908157 tọa lạc khu phố Bình Thung 1, P. Bình An, TX. Dĩ An, T. Bình Dương của Ông Lâm Quy Chương cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Nam Bình Dương.

**5. Ngân Hàng Natixis – Chi nhánh TP HCM**

HĐ hạn mức tín dụng ngắn hạn số FCA-557845-2015 ngày 25/09/2015.

- + Hạn mức : 2.500.000 USD;
- + Lãi suất : Được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ;
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động ;



- + Hình thức đảm bảo : Các khoản phải thu luân chuyển, hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm, hàng hóa luân chuyển tại ngày cuối năm (Xem T.Mình V.2 và V.7);

**6. Malayan Banking Berhad – CN Tp.HCM**

Hợp đồng tín dụng số MBB/HCMC/LO/2015/VCOM/01 ngày 22 tháng 4 năm 2015.

- + Hạn mức : 2.500.000 USD;
- + Lãi suất : Được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ;
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động ;
- + Hình thức đảm bảo : Các khoản phải thu luân chuyển, hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm, hàng hóa luân chuyển tại ngày cuối năm (Xem T.Mình V.2 và V.7);

**7. Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đồng Nai**

Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 802-10.2015/HĐTDHM-PN/TPBANK-DNI ngày 19/10/2015.

- + Hạn mức : 30.000.000.000 VNĐ;
- + Lãi suất : Được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ;
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động ;
- + Hình thức đảm bảo : Số lượng 3.035.602 chứng khoán thuộc sở hữu của ông Lâm Quy Chương (Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty) (Xem T.Mình VIII.6) ;

**8. Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình**

Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 88/2016/HĐTDHM ngày 29/03/2016.

- + Hạn mức : 10.000.000.000 VNĐ;
- + Lãi suất : Được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ;
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động ;
- + Hình thức đảm bảo : Máy xoắn đôi và chuyền máy kéo bọc liên hoàn Nokia

**9. Ngân hàng TNHH United Overseas – CN Tp.HCM**

Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 10220151214-01 ngày 14/12/2015.

- + Hạn mức : 1.500.000 USD;
- + Lãi suất : Được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ;
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động ;
- + Hình thức đảm bảo : Đảm bảo cá nhân của Ông Lâm Quy Chương 1.500.000 USD.  
Và máy móc thiết bị (Xem T.Mình V.9).



**20.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác	4.218.500.000	4.218.500.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình <sup>(1)</sup>	4.218.500.000	4.218.500.000	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	1.667.402.247	1.667.402.247	1.667.402.247	1.667.402.247
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease <sup>(2)</sup>	1.667.402.247	1.667.402.247	1.667.402.247	1.667.402.247
<b>Cộng</b>	<b>5.885.902.247</b>	<b>5.885.902.247</b>	<b>1.667.402.247</b>	<b>1.667.402.247</b>

<sup>(1)</sup> Là khoản vay Ngân Hàng TMCP Phương Đông - CN Tân Bình, hợp đồng hạn mức tín dụng số 89/2016/HĐTDHM ngày 29/03/2016 và số 100/2016/HĐTD-DN ngày 29/3/2016 (Hạn mức: 20.000.000.000 VNĐ), với mục đích bổ sung vốn lưu động của công ty. Tài sản đảm bảo bao gồm: 3 dây chuyền sản xuất cáp phi 60, 2 dây chuyền sản xuất cáp phi 50, 2 máy đùn nhựa phi 60, dây chuyền sản xuất tấm form PVC, máy in tấm form PVC, Dây chuyền kéo bọc liên hoàn, 2 xe ô tô tải 3,5 tấn, Xe ô tô Subaru số 61A - 254.31, Xe ô tô tải Hino số 61C-149.79, Xe Nissan số 60C - 153.13

<sup>(2)</sup> Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số C150807102 ngày 06/11/2015 giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease với Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh.

**Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống (*)	434.974.500	869.949.000
Trên 1 năm đến 5 năm	1.667.402.247	1.667.402.247
Trên 5 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.102.376.747</b>	<b>2.537.351.247</b>

(\*) Khoản trả nợ thuê tài chính dưới 1 năm được trình bày ở khoản mục "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn" trên Bảng cân đối kế toán (Xem T.Minh V20.1).

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
- Số dư đầu năm	2.063.235.335	1.685.808.249
- Trích lập trong năm	5.447.092.035	2.276.526.902
- Sử dụng trong năm	(3.132.919.423)	(1.453.599.816)
<b>Cộng</b>	<b>4.377.407.947</b>	<b>2.508.735.335</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



**22. Vốn chủ sở hữu**

**22.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	3	4	5
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>12.787.455.118</b>	<b>19.936.985.454</b>	<b>162.724.440.572</b>
- Tăng trong năm trước	-	1.137.170.950	22.654.383.598	23.791.554.548
- Giảm trong năm trước	-	-	16.411.512.852	16.411.512.852
<b>Số dư cuối năm trước, đầu năm nay</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>13.924.626.068</b>	<b>26.179.856.200</b>	<b>170.104.482.268</b>
- Tăng trong năm nay	-	-	23.868.451.924	23.868.451.924
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	23.868.451.924	23.868.451.924
- Giảm trong kỳ	-	-	24.030.876.720	24.030.876.720
+ Phân phối trong kỳ	-	-	24.030.876.720	24.030.876.720
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>13.924.626.068</b>	<b>26.017.431.404</b>	<b>169.942.057.472</b>

**22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	130.000.000.000	130.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	130.000.000.000	130.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	-	(1.387.801.954)

**22.3 Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/ cổ phiếu)	10.000	10.000

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



**22.4 Phân phối lợi nhuận**

Số dư đầu năm	26.179.856.200
Tăng từ kết quả kinh doanh trong kỳ	23.868.451.924
Giảm trong kỳ (*)	(24.030.876.720)
Chi tiết gồm:	
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.530.876.720)
- Cổ tức phải trả năm 2015	(19.500.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>26.017.431.404</b>

(\*) Khoản trích giảm trong năm căn cứ theo Nghị quyết số 150/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2016 ngày 29/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT : VNĐ)**

**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
- Doanh thu vỏ xe	376.503.642.531	353.091.509.299
- Doanh thu cấp	176.098.117.548	113.870.348.476
- Doanh thu nhựa	23.924.501.244	9.184.662.331
<b>Cộng</b>	<b>576.526.261.323</b>	<b>476.146.520.106</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
- Giá vốn vỏ xe	356.041.662.032	323.329.127.926
- Giá vốn cấp	137.254.477.386	106.131.788.765
- Giá vốn nhựa	22.501.203.384	12.069.886.257
- Dự phòng giảm giá	1.271.717.600	
<b>Cộng</b>	<b>517.069.060.402</b>	<b>441.530.802.948</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
- Lãi tiền gửi có kì hạn	717.826.287	208.603.737
- Lãi tiền gửi không kì hạn	156.335.160	438.540.611
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	20.067.441	147.297.438
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	85.433.187	245.284.554
<b>Cộng</b>	<b>979.662.075</b>	<b>1.039.726.340</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



**4. Chi phí tài chính**

	<b>06 tháng đầu năm 2016</b>	<b>06 tháng đầu năm 2015</b>
- Lãi tiền vay	9.358.527.583	7.741.263.814
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	157.406.386
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	448.391.057	664.538.131
- Chi phí tài chính khác	88.354.195	-
<b>Cộng</b>	<b>9.895.272.835</b>	<b>8.563.208.331</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<b>06 tháng đầu năm 2016</b>	<b>06 tháng đầu năm 2015</b>
- Chi phí nhân viên	4.166.626.395	3.462.129.000
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.980.000	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	389.252.882	167.496.190
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.047.188.430	5.034.856.921
- Các chi phí khác	130.782.290	51.172.524
<b>Cộng</b>	<b>10.735.829.997</b>	<b>8.715.654.635</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>06 tháng đầu năm 2016</b>	<b>06 tháng đầu năm 2015</b>
Chi phí cho nhân viên	2.911.341.036	2.544.640.818
Chi phí công cụ dụng cụ	-	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	404.763.649	399.364.420
Chi phí dự phòng	-	228.075.703
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.673.070.442	3.307.945.454
Các chi phí khác	809.642.469	745.115.778
<b>Cộng</b>	<b>8.798.817.596</b>	<b>7.225.142.173</b>

**7. Thu nhập khác**

	<b>06 tháng đầu năm 2016</b>	<b>06 tháng đầu năm 2015</b>
Chênh lệch từ thanh lý TSCĐ	331.375.267	-
Thu nhập khác	2.518.321	-
<b>Cộng</b>	<b>333.893.588</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí khác**

	<b>06 tháng đầu năm 2016</b>	<b>06 tháng đầu năm 2015</b>
Chi phí nộp phạt	59.033.541	455.275.085
Chi phí khác	16.718.139	-
<b>Cộng</b>	<b>75.751.680</b>	<b>455.275.085</b>



**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>06 tháng đầu năm 2016</b>	<b>06 tháng đầu năm 2015</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.868.451.924	8.126.799.035
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(4.773.690.385)	(1.625.359.807)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.094.761.539	6.501.439.228
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	13.000.000	13.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>1.469</b>	<b>500</b>

(\*) Được xác định bằng 20% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Đây là khoản trích Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết số 150/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2016 ngày 29/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>06 tháng đầu năm 2016</b>	<b>06 tháng đầu năm 2015</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	188.418.555.168	166.698.453.864
- Chi phí nhân công	12.698.632.539	11.872.521.980
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.298.813.046	7.412.394.891
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.677.230.392	11.616.930.455
- Chi phí khác	993.625.334	821.226.038
<b>Cộng</b>	<b>229.086.856.479</b>	<b>198.421.527.228</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)****1. Tiền thu từ đi vay**

	<b>06 tháng đầu năm 2016</b>	<b>06 tháng đầu năm 2015</b>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	392.755.345.884	377.846.141.002
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>392.755.345.884</b>	<b>377.846.141.002</b>

**2. Tiền trả nợ gốc vay**

	<b>06 tháng đầu năm 2016</b>	<b>06 tháng đầu năm 2015</b>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	345.311.787.300	376.725.043.850
- Tiền trả nợ gốc vay dưới hình thức khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>345.311.787.300</b>	<b>376.725.043.850</b>



## VIII. THÔNG TIN KHÁC

### 1. Tài sản tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

### 2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

### 3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 3.1 *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt(\*)*

	<u>06 tháng đầu năm 2016</u>	<u>06 tháng đầu năm 2015</u>
Thu nhập đã phát sinh trong năm	971.920.000	873.000.000

(\*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty.

#### 3.2 *Giao dịch và số dư với Ông Lâm Quy Chương – Hiện là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.*

##### 3.2.1 *Các giao dịch thực hiện trong kỳ:*

	<u>06 tháng đầu năm 2016</u>	<u>06 tháng đầu năm 2015</u>
- Cho vay	5.000.000.000	2.000.000.000
- Thu tiền vay	-	2.800.000.000
- Thu tiền tạm ứng	255.000.000	-

##### 3.2.2 *Số dư cuối kỳ:*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	10.500.000.000	5.500.000.000
- Tạm ứng	-	255.000.000

##### 3.2.3 *Bảo đảm cá nhân của Ông Lâm Quy Chương*

Trong kỳ ông Lâm Quy Chương đã dùng tài sản cá nhân để đảm bảo các khoản vay ngân hàng cho công ty tại Ngân hàng TNHH United Overseas - Chi nhánh Tp. HCM (Thuyết minh số V.20).



**4. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Vò xe.
- Cáp.
- Nhựa.

<b>06 tháng đầu năm 2016</b>	<b>Vò xe</b>	<b>Cáp</b>	<b>Nhựa</b>	<b>Tổng cộng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	376.503.642.531	176.098.117.548	23.924.501.244	576.526.261.323
Giá vốn hàng bán	356.041.662.032	137.254.477.386	22.501.203.384	515.797.342.802
Dự phòng giảm giá	-	-	-	1.271.717.600
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20.461.980.499</b>	<b>38.843.640.162</b>	<b>1.423.297.860</b>	<b>59.457.200.921</b>
<b>06 tháng đầu năm 2015</b>	<b>Vò xe</b>	<b>Cáp</b>	<b>Nhựa</b>	<b>Tổng cộng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	353.091.509.299	113.870.348.476	9.184.662.331	476.146.520.106
Giá vốn hàng bán	323.329.127.926	106.131.788.765	12.069.886.257	441.530.802.948
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>29.762.381.373</b>	<b>7.738.559.711</b>	<b>(2.885.223.926)</b>	<b>34.615.717.158</b>

**Khu vực địa lý**

<b>06 tháng đầu năm 2016</b>	<b>Nội địa</b>	<b>Xuất khẩu</b>	<b>Cộng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	522.601.971.695	53.924.289.628	576.526.261.323
Giá vốn hàng bán	467.553.217.307	48.244.125.495	515.797.342.802
Dự phòng giảm giá	-	-	1.271.717.600
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>55.048.754.388</b>	<b>5.680.164.133</b>	<b>59.457.200.921</b>
<b>06 tháng đầu năm 2015</b>	<b>Nội địa</b>	<b>Xuất khẩu</b>	<b>Cộng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	451.225.436.561	24.921.083.545	476.146.520.106
Giá vốn hàng bán	417.168.673.383	24.362.129.565	441.530.802.948
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>34.056.763.178</b>	<b>558.953.980</b>	<b>34.615.717.158</b>

**5. Tài sản đảm bảo**

- Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất số T751759 tọa lạc tại phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng đất số BA 179285 của Công ty, tại phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Số lượng 3.035.602 cổ phiếu giá trị 30.356.020.000 đồng do Ông Lâm Quy Chương sở hữu đang được quản lý tại công ty TNHH MTV chứng khoán Ngân hàng Đông Á, cho các khoản vay ngắn hạn (Xem Thuyết minh số V.20).
- Nợ phải thu luân chuyển;

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

- Hàng tồn kho luân chuyển;
- Máy móc thiết bị;
- Hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh do Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam phát hành;
- Hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh do Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam phát hành.

Công ty không còn nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

**6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

**7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

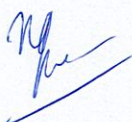
Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được lập trong Báo cáo sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng có bản chất bất thường nào trong giai đoạn từ cuối năm tài chính kết thúc cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Tuyết Mai

Dương Minh Hòa

Lâm Quý Chương